

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN H

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22/4/2019

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Quốc Việt**

2. Ông **Trần Minh Hoàng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/ QĐXXST- HNGĐ ngày 28/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Hồ Thị Bích N (A)**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 03, ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang

*** Bị đơn:** Anh **Lê Hoàng L**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Hồ Thị Bích N trình bày:**

Chị và anh Lê Hoàng L chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/01/2012. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 tháng mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có tính mê chơi cờ bạc từ đó dẫn đến vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hay cự cãi, mâu thuẫn với nhau về kinh tế, vợ chồng có lối sống không phù hợp, tôi đã khuyên nhiều

lần và cũng đã cho anh L cơ hội nhưng anh L không thay đổi, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, vợ chồng không sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.
- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai, và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng L.
- Về con chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Lê Hoàng L với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh L vắng mặt. Xét thấy anh L đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh L vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04/01/2012 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị N cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có tính ham mê cờ bạc, vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng đã tạo nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L và anh L cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Bích N. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy thực tế giữa chị N và anh L không chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay, trong thời gian anh chị sống ly thân thì không ai quan

tâm đến ai, không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng, xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: chị N xác nhận chị và anh L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005340 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010; các Điều 51, 56, 57, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Bích N. Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Bích N và anh Lê Hoàng L.

2. Về án phí HNST: Buộc chị Hồ Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005340 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái